

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 31 /2015/QĐ-UBND

Thủ Dầu Một, ngày 18 tháng 8 năm 2015

**QUYẾT ĐỊNH**  
**Ban hành Quy chế thành lập, tổ chức, hoạt động**  
**và quản lý các cơ sở bảo trợ xã hội, nhà xã hội trên địa bàn tỉnh Bình Dương**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân ngày 03/12/2004;

Căn cứ Luật Người Cao tuổi ngày 23/11/2009;

Căn cứ Luật Người Khuyết tật ngày 17/6/2010;

Căn cứ Nghị định số 68/2008/NĐ-CP ngày 30/5/2008 của Chính phủ quy định điều kiện, thủ tục thành lập, tổ chức, hoạt động và giải thể của cơ sở bảo trợ xã hội;

Căn cứ Nghị định số 81/2012/NĐ-CP ngày 08/10/2012 của Chính phủ sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 68/2008/NĐ-CP ngày 30/5/2008 của Chính phủ quy định điều kiện, thủ tục thành lập, tổ chức, hoạt động và giải thể của cơ sở bảo trợ xã hội và Nghị định số 109/2002/NĐ-CP ngày 27/12/2002 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 195/CP ngày 31/12/1994 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Bộ Luật lao động về thời giờ làm việc, thời giờ nghỉ ngơi;

Căn cứ Nghị định số 06/2011/NĐ-CP ngày 14/01/2011 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Người cao tuổi;

Căn cứ Nghị định số 28/2012/NĐ-CP ngày 10/4/2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Người khuyết tật;

Căn cứ Nghị định số 136/2013/NĐ-CP ngày 21/10/2013 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội;

Căn cứ Thông tư số 07/2009/TT-BLĐTBXH ngày 30/3/2009 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định 68/2008/NĐ-CP ngày 30/5/2008 của Chính phủ quy định điều kiện, thủ tục thành lập, tổ chức, hoạt động và giải thể của cơ sở bảo trợ xã hội;

Căn cứ Thông tư số 04/2011/TT-BLĐTBXH ngày 25/02/2011 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định tiêu chuẩn chăm sóc tại các cơ sở bảo trợ xã hội;

Căn cứ Thông tư Liên tịch số 29/2014/TTLT-BLĐTBXH-BTC ngày 24/10/2014 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội và Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định 136/2013/NĐ-CP của Chính phủ;

Căn cứ Thông tư số 01/2015/TT-BLĐTBXH ngày 06/01/2015 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc hướng dẫn về quản lý trường hợp với người khuyết tật;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tại tờ trình số 66/TTr-SLĐTBXH ngày 14/7/2015,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế thành lập, tổ chức, hoạt động và quản lý các cơ sở bảo trợ xã hội, nhà xã hội trên địa bàn tỉnh Bình Dương.

**Điều 2.** Giao Sở Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì, phối hợp các sở, ngành, đoàn thể; Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và các đơn vị liên quan hướng dẫn, kiểm tra, giám sát việc thực hiện Quy chế này.

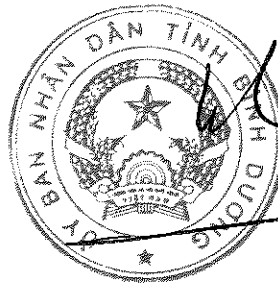
**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Giám đốc Sở Nội vụ, Thủ trưởng các sở, ban ngành, đoàn thể tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày, kể từ ngày ký./.

**Nơi nhận:**

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Văn phòng: Quốc hội, Chính phủ;
- Các Bộ: TC, LĐTB&XH, Nội vụ;
- Cục Bảo trợ xã hội - Bộ LĐTBXH;
- Cục kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp ;
- TTTU; TT.HĐND, TT ĐĐBQH tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- UBMTTQ và các đoàn thể tỉnh;
- Các Sở, Ban, Ngành (60);
- UBND các huyện, tx, tp;
- LĐVP, Thái, Tg, TH, TTCB, Website tỉnh; Ư
- Lưu: VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH THƯỜNG TRỰC**



**Trần Thanh Liêm**

**QUY CHẾ**

**Thành lập, tổ chức, hoạt động và quản lý  
các cơ sở bảo trợ xã hội, nhà xã hội trên địa bàn tỉnh Bình Dương**  
(Ban hành kèm theo Quyết định số 31 /2015/QĐ-UBND ngày 18 /8/2015 của UBND tỉnh)

**Chương I  
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**

**1. Khái niệm cơ sở bảo trợ xã hội, nhà xã hội**

a) Cơ sở bảo trợ xã hội, nhà xã hội công lập do cơ quan nhà nước quản lý, đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, bảo đảm kinh phí cho các nhiệm vụ chi thường xuyên của cơ sở.

b) Cơ sở bảo trợ xã hội, nhà xã hội ngoài công lập do các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước đầu tư xây dựng cơ sở vật chất và bảo đảm kinh phí cho các nhiệm vụ chi thường xuyên của cơ sở.

2. Phạm vi điều chỉnh: Quy định về việc thành lập, tổ chức, hoạt động, quản lý các cơ sở bảo trợ xã hội, nhà xã hội trên địa bàn tỉnh Bình Dương. Cơ sở bảo trợ xã hội, nhà xã hội trong Quy chế này được gọi tắt là cơ sở BTXH.

3. Đối tượng áp dụng: Quy chế này áp dụng đối với các cơ sở BTXH chăm sóc, nuôi dưỡng từ 10 đối tượng trở lên, các cơ quan quản lý nhà nước và các đối tượng được chăm sóc, nuôi dưỡng ở các cơ sở BTXH theo quy định tại Điều 2 Quy chế này, gồm có:

- a) Cơ sở chăm sóc, nuôi dưỡng người cao tuổi;
- b) Cơ sở chăm sóc, nuôi dưỡng người khuyết tật;
- c) Cơ sở chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt;
- d) Cơ sở chăm sóc, nuôi dưỡng đối tượng cần bảo vệ khẩn cấp;
- e) Cơ sở chăm sóc, nuôi dưỡng người tâm thần, người rối nhiễu tâm trí;
- h) Cơ sở thực hiện chức năng chăm sóc, nuôi dưỡng tổng hợp nhiều đối tượng trên;

## **Điều 2. Đối tượng được tiếp nhận vào cơ sở BTXH**

1. Các đối tượng bảo trợ xã hội theo quy định tại Quyết định số 10/2015/QĐ-UBND ngày 30/3/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc quy định trợ cấp nuôi dưỡng trong các cơ sở bảo trợ xã hội, nhà xã hội; trợ cấp xã hội tại cộng đồng; hỗ trợ kinh phí chăm sóc, nuôi dưỡng và chính sách trợ giúp xã hội khác đối với đối tượng bảo trợ xã hội trên địa bàn tỉnh, cụ thể như sau:

a) Trẻ em dưới 16 tuổi không có nguồn nuôi dưỡng theo quy định tại Khoản 1 Điều 5 Nghị định số 136/2013/NĐ-CP của Chính phủ;

b) Trẻ em bị nhiễm HIV thuộc hộ nghèo; người bị nhiễm HIV thuộc hộ nghèo không còn khả năng lao động mà không có lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội hàng tháng, trợ cấp ưu đãi người có công hàng tháng, trợ cấp hàng tháng khác thuộc diện khó khăn, không tự lo được cuộc sống và không có người nhận chăm sóc, nuôi dưỡng tại cộng đồng;

c) Người cao tuổi (người từ đủ 60 tuổi) thuộc hộ gia đình nghèo không có người có nghĩa vụ và quyền phụng dưỡng, không có điều kiện sống ở cộng đồng, có nguyện vọng vào sống ở cơ sở bảo trợ xã hội theo quy định tại Khoản 2 Điều 18 Luật Người cao tuổi;

d) Trẻ em khuyết tật đặc biệt nặng, người khuyết tật đặc biệt nặng không nơi nương tựa, không tự lo được cuộc sống theo quy định tại Điều 45 Luật Người khuyết tật;

e) Các đối tượng cần bảo vệ khẩn cấp.

2. Những người không thuộc đối tượng bảo trợ xã hội quy định tại Khoản 1 Điều này nhưng không có điều kiện sống ở gia đình và có nhu cầu vào sống ở cơ sở BTXH, tự nguyện đóng góp kinh phí hoặc có người thân, người nhận bảo trợ đóng góp kinh phí (gọi chung là đối tượng tự nguyện).

## **Điều 3. Nhiệm vụ của cơ sở BTXH:**

1. Tiếp nhận, quản lý, chăm sóc, nuôi dưỡng các đối tượng quy định tại Điều 2 Quy chế này;

2. Đánh giá hoàn cảnh gia đình và nguyên nhân đối tượng được tiếp nhận vào cơ sở BTXH;

3. Kiểm tra phân loại và có kế hoạch chăm sóc sức khỏe.

4. Tổ chức hoạt động phục hồi chức năng, lao động sản xuất; trợ giúp các đối tượng trong các hoạt động tự quản, văn hoá, thể thao và các hoạt động khác phù hợp với lứa tuổi và sức khoẻ của từng nhóm đối tượng.

5. Chủ trì, phối hợp với các đơn vị, tổ chức để dạy văn hoá, dạy nghề, giáo dục hướng nghiệp nhằm giúp đối tượng phát triển toàn diện về thể chất, trí tuệ và nhân cách.

6. Chủ trì, phối hợp với chính quyền địa phương đưa đối tượng đủ điều kiện hoặc tự nguyện xin ra khỏi cơ sở BTXH trở về với gia đình, tái hoà nhập cộng đồng; hỗ trợ, tạo điều kiện cho đối tượng ổn định cuộc sống.

7. Đảm bảo tính bảo mật của hồ sơ cá nhân đối tượng được nuôi dưỡng tại cơ sở BTXH.

8. Đảm bảo sự an toàn của đối tượng, ngăn ngừa đối tượng bị bạo lực, bóc lột, lạm dụng sức lao động.

9. Cung cấp dịch vụ về công tác xã hội đối với cá nhân, gia đình có vấn đề xã hội ở cộng đồng, nơi cơ sở BTXH có trụ sở (nếu có điều kiện), gồm có:

a) Tư vấn, tham vấn để giải quyết sự căng thẳng về quan hệ, tình cảm và trợ giúp tiếp cận các dịch vụ xã hội; tổ chức các cuộc tiếp xúc, trao đổi để tìm ra khó khăn và cách thức giải quyết khó khăn; trợ giúp về thức ăn, chỗ ở tạm thời; hỗ trợ khám, chữa bệnh và học tập; trợ giúp học nghề; tìm việc làm, nâng cao thu nhập và vui chơi giải trí, sinh hoạt văn hóa tinh thần;

b) Nâng cao năng lực cho cán bộ liên quan ở cộng đồng, thành viên các gia đình để họ tự giải quyết các vấn đề phát sinh, vượt qua hoàn cảnh khó khăn;

c) Tổ chức các hoạt động trợ giúp cộng đồng, nâng cao năng lực phát hiện vấn đề, xây dựng kế hoạch huy động nguồn lực thông qua các chương trình, dự án; tổ chức thực hiện kế hoạch có sự tham gia của người dân, người cao tuổi, người khuyết tật và trẻ em, thúc đẩy cộng đồng phát triển.

10. Xem xét nguyện vọng và tham vấn, hỗ trợ giáo dục, đào tạo và tạo việc làm cho đối tượng.

11. Báo cáo kịp thời cho cơ quan có thẩm quyền khi có đối tượng trốn khỏi cơ sở BTXH hoặc đối tượng qua đời, bị bắt cóc hoặc mất tích.

12. Thực hiện thống kê báo cáo định kỳ hàng quý, 6 tháng, 9 tháng và hàng năm hoặc đột xuất đến các cơ quan trực tiếp quản lý.

13. Tổ chức tập huấn cho các nhân viên mới được tuyển dụng và bồi dưỡng nghiệp vụ đối với nhân viên chưa qua đào tạo hoặc tạo điều kiện để nhân viên tham dự các lớp tập huấn chuyên ngành về sức khỏe, dinh dưỡng, công tác xã hội để nâng cao chất lượng chăm sóc, nuôi dưỡng đối tượng.

14. Thực hiện các quy định của pháp luật về phòng chống lạm dụng đối tượng.

15. Khi có các đoàn khách mang quốc tịch nước ngoài đến thăm, giao lưu với đối tượng hoặc ký kết các thỏa thuận hợp tác với cơ sở BTXH, cơ sở BTXH phải thực hiện thủ tục gửi văn bản kèm hồ sơ đến cơ quan quản lý trực tiếp để xin ý kiến chấp thuận của cấp có thẩm quyền theo quy định;



#### **Điều 4. Các hành vi bị cấm khi quản lý và nuôi dưỡng đối tượng**

1. Đánh đập, phân biệt đối xử, xúc phạm thân thể.
2. Nhốt đối tượng vào một nơi tách biệt.
3. Trói đối tượng.
4. Không cho đối tượng ăn, uống hoặc ngủ.
5. Buộc đối tượng mặc những loại quần áo dị thường hoặc không phù hợp.
6. Không chăm sóc y tế cho đối tượng.
7. Dùng đối tượng này để kỷ luật đối tượng khác.
8. Đe dọa hoặc mắng nhiếc, xúc phạm đối tượng bằng những từ ngữ thiếu lịch sự, thô tục.
9. Buộc đối tượng làm những việc quá sức.
10. Các hành vi khác xâm phạm tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm, sự phát triển, sinh sống bình thường của đối tượng.

#### **Điều 5. Quyền của các đối tượng ở cơ sở BTXH**

1. Tham gia quá trình lập kế hoạch chăm sóc và trợ giúp.
2. Tham gia quá trình đưa ra quyết định và đề đạt nguyện vọng về việc tái hòa nhập gia đình, cộng đồng; bảo đảm an toàn và phúc lợi của bản thân.
3. Được biết về các tiêu chuẩn chăm sóc và các quy định liên quan đến chăm sóc, trợ giúp đối tượng.
4. Tiếp cận đầy đủ với các thông tin cá nhân, hồ sơ cá nhân của mình, bao gồm lý lịch bản thân, hồ sơ y tế. Những hồ sơ này được bảo mật.
5. Thảo luận và trao đổi ý kiến về các quy định, quy tắc của cơ sở BTXH và các quy định có liên quan đến cuộc sống của đối tượng.
6. Tham gia vào các công việc hàng ngày của cơ sở BTXH phù hợp với độ tuổi và khả năng của đối tượng mà không bị ảnh hưởng xấu đến sức khỏe hay sự phát triển và thời gian học tập, giải trí của đối tượng.
7. Tham gia vào các hoạt động văn nghệ, thể thao (nếu có) nhân các ngày lễ lớn của đất nước, ngày kỷ niệm của quốc gia và quốc tế hàng năm, gồm: Tết Dương lịch, Tết Nguyên đán, ngày Người khuyết tật Việt Nam (18/4), ngày Quốc tế Thiếu nhi (01/6), ngày Người cao tuổi Việt Nam (06/6) hoặc Quốc tế Người cao tuổi (01/10) và các ngày lễ khác do nhà nước quy định.
8. Tham gia các buổi thuyết trình, tham quan và các hoạt động khác liên quan đến việc học tập của các đối tượng.

9. Tham dự các buổi lễ của gia đình (lễ cưới, đám tang...) theo nguyện vọng nhưng không ảnh hưởng đến an toàn và quyền lợi của đối tượng.

#### **Điều 6. Nghĩa vụ của đối tượng ở cơ sở BTXH**

1. Chấp hành tốt nội quy, quy chế của cơ sở BTXH.
2. Đóng góp ý kiến cho hoạt động của cơ sở BTXH.
3. Tham gia vào các hoạt động sản xuất của cơ sở BTXH, tùy theo sức khỏe và lứa tuổi của mình nhằm cải thiện cuộc sống.
4. Tùy theo khả năng và điều kiện sức khỏe, phải nỗ lực tự phục vụ, tự chăm sóc cho bản thân, tham gia học văn hóa, học nghề nhằm giảm sự lệ thuộc vào cơ sở BTXH để hướng đến tái hòa nhập cộng đồng.

## **Chương II THÀNH LẬP, GIẢI THỂ, THAY ĐỔI TÊN CƠ SỞ BTXH**

#### **Điều 7. Điều kiện thành lập**

Cơ sở BTXH được cấp có thẩm quyền quyết định thành lập khi đáp ứng đủ các điều kiện sau:

1. Cơ sở vật chất
    - Diện tích đất tự nhiên: Bình quân 30m<sup>2</sup>/đối tượng ở khu vực nông thôn, 10m<sup>2</sup>/đối tượng ở khu vực thành thị.
    - Diện tích phòng ở của đối tượng bình quân 6m<sup>2</sup>/đối tượng. Đối với đối tượng phải chăm sóc 24/24 giờ một ngày, diện tích phòng ở bình quân 8 m<sup>2</sup>/đối tượng. Phòng ở phải được trang bị đồ dùng cần thiết phục vụ cho sinh hoạt hàng ngày của đối tượng.
    - Đối với cơ sở BTXH chăm sóc, nuôi dưỡng từ 25 đối tượng trở lên phải có khu nhà ở, khu nhà bếp, khu làm việc của cán bộ nhân viên, khu vui chơi giải trí, hệ thống cấp, thoát nước, điện, đường đi nội bộ; khu sản xuất và lao động trị liệu (nếu có điều kiện).
- Cơ sở BTXH chăm sóc, nuôi dưỡng từ 10 đến dưới 25 đối tượng phải đảm bảo điều kiện cơ bản về nhà ở, nhà bếp, nhà làm việc của cán bộ nhân viên, điện, nước phục vụ sinh hoạt hàng ngày.
- Các công trình, các trang thiết bị phải bảo đảm cho người khuyết tật, người cao tuổi và trẻ em tiếp cận và sử dụng thuận tiện.

2. Chăm sóc, nuôi dưỡng đối tượng: Đối tượng được bảo đảm mức sống theo quy định tại Nghị định số 136/2013/NĐ-CP ngày 21/10/2013 của Chính phủ về chính

sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội, Nghị định số 06/2011/NĐ-CP ngày 04/01/2011 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Người cao tuổi, Nghị định số 28/2012/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Người khuyết tật.

### 3. Định mức cán bộ, nhân viên;

#### a) Cán bộ, nhân viên chăm sóc trực tiếp các đối tượng:

##### \* Trẻ em:

- Trẻ em dưới 18 tháng tuổi: 1 nhân viên chăm sóc 1 trẻ em.

- Trẻ em từ 18 tháng tuổi đến dưới 6 tuổi:

+ Trẻ em bình thường: 1 nhân viên chăm sóc 5 đến 6 em;

+ Trẻ em khuyết tật; tâm thần; nhiễm HIV: 1 nhân viên chăm sóc 3 đến 4 em.

- Trẻ em từ 6 tuổi đến dưới 16 tuổi:

+ Trẻ em bình thường: 1 nhân viên chăm sóc 8 đến 10 em;

+ Trẻ em khuyết tật; tâm thần; nhiễm HIV: 1 nhân viên chăm sóc 4 đến 5 em.

##### \* Người khuyết tật:

- Người khuyết tật còn tự phục vụ được: 1 nhân viên chăm sóc 8 đến 10 đối tượng;

- Người khuyết tật không tự phục vụ được: 1 nhân viên chăm sóc 3 đến 4 đối tượng.

##### \* Người cao tuổi:

- Người cao tuổi còn tự phục vụ được: 1 nhân viên chăm sóc 8 đến 10 đối tượng;

- Người cao tuổi không tự phục vụ được: 1 nhân viên chăm sóc 3 đến 4 đối tượng.

##### \* Người tâm thần:

- Người tâm thần nặng (kích động, sa sút giai đoạn cuối): 1 nhân viên chăm sóc 2 đối tượng;

- Người tâm thần đã thuyên giảm: 1 nhân viên chăm sóc 3 đến 4 đối tượng;

- Người tâm thần đã phục hồi: 1 nhân viên chăm sóc 8 đến 10 đối tượng.

\* Người lang thang: 1 nhân viên quản lý 10 đến 12 người (định mức này sử dụng cho các đợt tiếp nhận người lang thang vào cơ sở chờ phân loại, đưa về địa phương).



b) Cán bộ, nhân viên làm công tác dinh dưỡng bao gồm tiếp phẩm, nấu ăn: 1 nhân viên phục vụ 20 đối tượng.

c) Cán bộ, nhân viên làm công tác phục hồi chức năng, dạy văn hoá, dạy nghề:

- 01 kỹ thuật viên hướng dẫn phục hồi chức năng cho 5 đối tượng đối với cơ sở BTXH có nhiệm vụ phục hồi chức năng cho đối tượng.

- 01 giáo viên dạy 09 đối tượng đối với cơ sở có nhiệm vụ tổ chức dạy văn hoá, dạy nghề cho đối tượng.

d) Cán bộ, nhân viên gián tiếp: tối đa không quá 20% tổng số cán bộ công nhân viên cơ sở.

### **Điều 8. Hồ sơ thành lập cơ sở BTXH**

1. Cơ sở BTXH đáp ứng đủ các điều kiện theo quy định tại Điều 7 Quy chế này gửi hồ sơ đề nghị thành lập.

2. Hồ sơ thành lập cơ sở BTXH công lập gồm:

a) Tờ trình thành lập (Mẫu số 01 kèm theo Nghị định số 81/2012/NĐ-CP của Chính phủ).

b) Đề án thành lập (Mẫu số 2 kèm theo Nghị định số 81/2012/NĐ-CP của Chính phủ).

c) Quy chế hoạt động của cơ sở BTXH (Mẫu số 3 kèm theo Nghị định số 81/2012/NĐ-CP của Chính phủ).

3. Hồ sơ đề nghị thành lập cơ sở BTXH ngoài công lập:

a) Đơn đề nghị thành lập cơ sở BTXH (Mẫu số 5 kèm theo Nghị định số 81/2012/NĐ-CP của Chính phủ).

b) Đề án thành lập cơ sở BTXH (Mẫu số 2 kèm theo Nghị định số 81/2012/NĐ-CP của Chính phủ).

c) Giấy tờ hợp pháp về quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở hoặc tài sản gắn liền với đất phục vụ cho hoạt động của cơ sở BTXH.

d) Quy chế hoạt động (Mẫu số 3 kèm theo Nghị định số 81/2012/NĐ-CP của Chính phủ).

e) Lý lịch trích ngang của người dự kiến làm Giám đốc cơ sở BTXH, có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã nơi cư trú hoặc tổ chức thành lập cơ sở BTXH.

g) Ý kiến bằng văn bản của Ủy ban nhân dân cấp xã, trong đó nêu rõ đồng ý hay không đồng ý nơi cơ sở BTXH đặt trụ sở hoạt động.

h) Văn bản thẩm định và đề nghị của tổ chức, đoàn thể, tôn giáo tỉnh, nếu là cơ sở BTXH của tổ chức, đoàn thể, tôn giáo thuộc thẩm quyền quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh.

4. Số lượng hồ sơ nộp: 01 (một) bộ.

5. Địa điểm nộp hồ sơ: tại Sở Nội vụ (đối với cơ sở BTXH thuộc thẩm quyền quyết định thành lập của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh) hoặc Phòng Nội vụ cấp huyện (đối với các cơ sở BTXH thuộc thẩm quyền quyết định thành lập của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện) theo phân cấp quy định tại Khoản 1 Điều 9 Quy chế này.

### **Điều 9. Cơ quan thẩm định hồ sơ và thẩm quyền, trình tự, thủ tục quyết định thành lập cơ sở BTXH**

1. Phân cấp quản lý cơ sở BTXH:

a) Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thành lập các cơ sở BTXH có quy mô dự kiến chăm sóc, nuôi dưỡng trên 100 đối tượng trở lên trong đề án thành lập và phạm vi hoạt động trên địa bàn tỉnh Bình Dương.

Cơ sở được tiếp nhận, chăm sóc, nuôi dưỡng đối tượng có hộ khẩu thường trú trên địa bàn tỉnh, trừ đối tượng quy định tại điểm e, Khoản 1 và Khoản 2 Điều 2 Quy chế này không yêu cầu có hộ khẩu thường trú tại địa phương.

b) Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố quyết định thành lập cơ sở BTXH có quy mô dự kiến chăm sóc, nuôi dưỡng từ 10 đối tượng đến 100 đối tượng và có phạm vi hoạt động trên địa bàn huyện, thị xã, thành phố.

Những đối tượng được tiếp nhận, chăm sóc, nuôi dưỡng có hộ khẩu thường trú trên địa bàn huyện, thị xã, thành phố, nơi cơ sở BTXH đặt trụ sở hoạt động, trừ đối tượng quy định tại điểm e Khoản 1 và Khoản 2 Điều 2 Quy chế này không yêu cầu có hộ khẩu thường trú tại địa phương.

2. Cơ quan thẩm định, thời gian thẩm định hồ sơ:

a) Sở Nội vụ thẩm định hồ sơ đề nghị thành lập cơ sở BTXH thuộc thẩm quyền quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

b) Phòng Nội vụ cấp huyện thẩm định hồ sơ đề nghị thành lập cơ sở BTXH thuộc thẩm quyền quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện.

Cơ quan thẩm định hồ sơ thành lập cơ sở BTXH có trách nhiệm tiếp nhận hồ sơ và cấp giấy biên nhận cho bên nộp hồ sơ.

Trong thời hạn 15 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ phải tiến hành thẩm định và trình cấp có thẩm quyền thành lập cơ sở BTXH.

Trường hợp cơ quan thẩm định xác định hồ sơ đề nghị thành lập cơ sở BTXH không đủ điều kiện theo quy định thì phải trả lời bằng văn bản nêu rõ lý do không đủ điều kiện thành lập cơ sở BTXH trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

3. Hồ sơ đề nghị thành lập cơ sở BTXH không thu phí, lệ phí.

#### 4. Thẩm quyền, thời gian quyết định thành lập cơ sở BTXH

a) Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thành lập cơ sở BTXH theo quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều này trong thời hạn 15 ngày, kể từ khi nhận được văn bản đề nghị của Sở Nội vụ.

b) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định thành lập cơ sở BTXH theo quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều này, trong thời hạn 15 ngày, kể từ khi nhận được văn bản đề nghị của Phòng Nội vụ cấp huyện.

#### **Điều 10. Giải thể cơ sở BTXH**

1. Cơ sở BTXH không đảm bảo các điều kiện qui định tại Điều 7 Quy chế này sẽ thực hiện giải thể.

2. Hồ sơ giải thể gồm:

a) Đơn đề nghị giải thể cơ sở BTXH, trong đó nêu rõ lý do xin giải thể (mẫu số 4 kèm theo Nghị định số 81/2012/NĐ-CP của Chính phủ);

b) Bản kê khai tài sản, tài chính và phương án xử lý;

c) Danh sách đối tượng và phương án giải quyết khi cơ sở giải thể.

3. Số lượng hồ sơ: 01 (một) bộ, không thu phí hay lệ phí.

4. Tổ chức hoặc cá nhân nộp hồ sơ tại Sở Nội vụ (đối với cơ sở do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thành lập) hoặc Phòng Nội vụ cấp huyện (đối với cơ sở do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định thành lập).

5. Trong thời hạn 12 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được bộ hồ sơ xin giải thể của cơ sở BTXH, cơ quan có thẩm quyền quyết định thành lập cơ sở phải ra quyết định giải thể cơ sở.

Cơ sở BTXH không được tự động giải thể khi chưa nhận được quyết định của người có thẩm quyền.

6. Trường hợp người có thẩm quyền ra quyết định giải thể cơ sở BTXH do cơ sở vi phạm pháp luật hoặc hoạt động kém hiệu quả thì cơ sở BTXH phải thực hiện phương án giải thể trong thời gian 90 ngày.

#### **Điều 11. Thay đổi tên cơ sở, trụ sở, giám đốc, quy chế hoạt động.**

1. Khi cơ sở BTXH thay đổi tên cơ sở, trụ sở, giám đốc hoặc quy chế hoạt động thì cơ sở phải đề nghị bằng văn bản với cơ quan quản lý trực tiếp và người ra quyết định thành lập trước ít nhất 07 (bảy) ngày làm việc.

2. Trong thời gian 07 (bảy) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị, người ra quyết định thành lập phải trả lời bằng văn bản về đề nghị của cơ sở BTXH; quá thời hạn nêu trên, nếu không nhận được văn bản trả lời, thì cơ sở BTXH được thực hiện việc thay đổi.

### **Chương III**

## **QUẢN LÝ, CHĂM SÓC, NUÔI DƯỠNG ĐỐI TƯỢNG**

#### **Điều 12. Hồ sơ tiếp nhận đối tượng vào cơ sở BTXH**

1. Hồ sơ tiếp nhận vào cơ sở BTXH đối với đối tượng quy định tại Điểm a, b và Điểm c Khoản 1 Điều 2 Quy chế này gồm:

a) Đơn của đối tượng hoặc người giám hộ theo mẫu do Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định (Mẫu số 08 kèm theo Thông tư liên tịch số 29/2014/TTLT-BLĐTBXH-BTC).

b) Sơ yếu lý lịch của đối tượng do Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã (Mẫu số 09 kèm theo Thông tư liên tịch số 29/2014/TTLT-BLĐTBXH-BTC).

c) Tờ khai đề nghị trợ giúp xã hội theo mẫu do Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (theo Thông tư liên tịch số 29/2014/TTLT-BLĐTBXH-BTC)

d) Bản sao giấy khai sinh đối với trẻ em, trường hợp trẻ em bị bỏ rơi phải làm thủ tục đăng ký khai sinh theo quy định của pháp luật về đăng ký hộ tịch.

đ) Xác nhận của cơ quan y tế có thẩm quyền đối với trường hợp bị nhiễm HIV;

e) Biên bản kết luận của Hội đồng xét duyệt;

g) Quyết định tiếp nhận của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã đối với trường hợp nhà xã hội thuộc cấp xã quản lý;

h) Quyết định tiếp nhận của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện đối với trường hợp tiếp nhận vào cơ sở BTXH thuộc cấp huyện quản lý;

i) Quyết định tiếp nhận của Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội đối với trường hợp tiếp nhận vào cơ sở BTXH tỉnh quản lý;

k) Giấy tờ liên quan khác như: bản sao giấy chứng minh nhân dân, hộ khẩu (nếu có).

2. Hồ sơ tiếp nhận vào cơ sở BTXH đối với đối tượng quy định tại Điểm d Khoản 1 Điều 2 Quy chế này gồm có:

a) Đơn đề nghị của người khuyết tật hoặc gia đình, người thân, người giám hộ người khuyết tật;

b) Tờ khai thông tin của người khuyết tật (theo mẫu 1đ kèm theo Thông tư liên tịch số 29/2014/TTLT-BLĐTBXH-BTC);

c) Sơ yếu lý lịch của người khuyết tật có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã (Mẫu số 9 kèm theo Thông tư liên tịch số 29/2014/TTLT-BLĐTBXH-BTC);

d) Bản sao Giấy xác nhận khuyết tật;

- e) Bản sao Sổ hộ khẩu;
- h) Bản sao Giấy khai sinh hoặc chứng minh nhân dân;
- k) Biên bản của Hội đồng xét duyệt trợ cấp xã hội và văn bản đề nghị của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã;
- l) Văn bản đề nghị của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện gửi cơ quan quản lý cơ sở BTXH (đối với việc tiếp nhận vào cơ sở BTXH tỉnh);

3. Hồ sơ đề nghị tiếp nhận vào cơ sở BTXH đối với đối tượng cần bảo vệ khẩn cấp theo quy định tại điểm e Khoản 1 Điều 2 Quy chế này, bao gồm:

- a) Đơn của đối tượng hoặc người giám hộ theo mẫu do Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định (Mẫu số 08 kèm theo Thông tư liên tịch số 29/2014/TTLT-BLĐTBXH-BTC).
- b) Tờ khai đề nghị trợ giúp xã hội theo mẫu do Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành.
- c) Bản sao chứng minh nhân dân hoặc giấy tờ tùy thân của đối tượng (nếu có).
- d) Biên bản của địa phương (xã, phường, thị trấn) đối với trường hợp khẩn cấp có nguy cơ đe dọa đến tính mạng của đối tượng.
- e) Văn bản đề nghị của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã, nơi đối tượng đang ở hoặc nơi phát hiện thấy cần sự bảo vệ khẩn cấp.
- h) Quyết định tiếp nhận của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

4. Hồ sơ tiếp nhận vào cơ sở BTXH đối với đối tượng tự nguyện sống tại cơ sở BTXH được quy định tại Khoản 2 Điều 2 Quy chế này, bao gồm:

- a) Đơn của đối tượng hoặc người giám hộ theo mẫu do Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định (Mẫu số 08 kèm theo Thông tư liên tịch số 29/2014/TTLT-BLĐTBXH-BTC).
- b) Sơ yếu lý lịch của đối tượng theo mẫu do Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định, có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã (Mẫu số 09 kèm theo Thông tư liên tịch số 29/2014/TTLT-BLĐTBXH-BTC).
- c) Tờ khai đề nghị trợ giúp xã hội theo mẫu do Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (theo Thông tư liên tịch số 29/2014/TTLT-BLĐTBXH-BTC).
- d) Hợp đồng dịch vụ (tự nguyện) chăm sóc, nuôi dưỡng:

- Hợp đồng dịch vụ (tự nguyện) chăm sóc, nuôi dưỡng giữa đối tượng tự nguyện hoặc thân nhân với cơ sở BTXH phải được lập thành văn bản trên cơ sở tôn trọng, bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của đối tượng, phải có ý kiến đồng ý của đối tượng hoặc thân nhân, người giám hộ đối tượng.



- Việc ký kết, thực hiện, sửa đổi, bổ sung và chấm dứt hợp đồng dịch vụ (tự nguyện) chăm sóc, nuôi dưỡng do đối tượng (hoặc thân nhân hoặc người giám hộ đối tượng) và người đứng đầu cơ sở BTXH thỏa thuận theo quy định của pháp luật hiện hành.

e) Hợp đồng dịch vụ (tự nguyện) chăm sóc, nuôi dưỡng đối tượng (Mẫu số 5 kèm theo Thông tư số 07/2009/TT-BLĐTBXH ngày 30/3/2009 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội) và phải có các nội dung chủ yếu sau:

- + Tình trạng sức khỏe, bệnh tật của đối tượng.
- + Thời gian chăm sóc, địa điểm chăm sóc, nuôi dưỡng, phương thức thực hiện chăm sóc, nuôi dưỡng.
- + Chi phí dịch vụ chăm sóc, nuôi dưỡng, phương thức thanh toán.
- + Quyền và nghĩa vụ của đối tượng, thân nhân hoặc người giám hộ đối tượng.
- + Quyền và nghĩa vụ của cơ sở BTXH chăm sóc đối tượng.
- + Các nội dung khác (nếu có).

### **Điều 13. Thủ tục tiếp nhận đối tượng vào nuôi dưỡng tại cơ sở BTXH**

1. Trình tự tiếp nhận chăm sóc, nuôi dưỡng đối với đối tượng quy định tại các Điểm a, b, c và Điểm d Khoản 1 Điều 2 Quy chế này như sau:

a) Đối tượng hoặc người giám hộ có giấy tờ theo quy định tại Điều 12 Quy chế này gửi Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn;

b) Trong thời hạn 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ của đối tượng, Hội đồng xét duyệt có trách nhiệm xét duyệt và niêm yết công khai kết quả xét duyệt tại trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã trong thời gian 07 ngày làm việc, trừ những thông tin về HIV của đối tượng.

Hết thời gian niêm yết công khai, nếu không có khiếu nại thì Hội đồng xét duyệt bổ sung biên bản kết luận của Hội đồng xét duyệt và trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định tiếp nhận đối tượng vào chăm sóc, nuôi dưỡng tại nhà xã hội thuộc cấp xã quản lý hoặc văn bản gửi Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội.

Trường hợp có khiếu nại trong thời gian niêm yết thì trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được khiếu nại, Hội đồng xét duyệt có trách nhiệm xác minh, thẩm tra, kết luận cụ thể và công khai trước nhân dân, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định tiếp nhận đối tượng vào chăm sóc, nuôi dưỡng tại nhà xã hội thuộc cấp xã quản lý hoặc có văn bản gửi Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội;

c) Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ của đối tượng và văn bản đề nghị của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã, Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội thẩm định, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định;

d) Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản trình của Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định tiếp nhận đối tượng vào chăm sóc, nuôi dưỡng tại cơ sở BTXH thuộc thẩm quyền quản lý hoặc có văn bản đề nghị Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội;

đ) Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ khi nhận được hồ sơ của đối tượng và văn bản đề nghị của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện, Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội quyết định tiếp nhận đối tượng vào chăm sóc, nuôi dưỡng tại cơ sở BTXH thuộc thẩm quyền quản lý;

e) Trường hợp đối tượng không được tiếp nhận vào chăm sóc, nuôi dưỡng thì cơ quan tiếp nhận hồ sơ của đối tượng phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

2. Thủ tục tiếp nhận vào cơ sở BTXH đối với đối tượng cần bảo vệ khẩn cấp quy định tại điểm e Khoản 1 Điều 2 Quy chế này:

a) Khi phát hiện thấy có đối tượng cần bảo vệ khẩn cấp, công chức cấp xã phụ trách công tác lao động, thương binh và xã hội lập biên bản, nếu thấy cần thiết phải đưa đối tượng vào chăm sóc, nuôi dưỡng tại cơ sở BTXH thì hướng dẫn đối tượng, gia đình làm hồ sơ theo quy định;

b) Căn cứ hồ sơ của đối tượng, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định tiếp nhận đối tượng vào chăm sóc, nuôi dưỡng tại nhà xã hội thuộc thẩm quyền quản lý hoặc có văn bản đề nghị Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định;

c) Khi nhận được hồ sơ của đối tượng và văn bản đề nghị của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã, Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội có trách nhiệm thẩm định, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định tiếp nhận đối tượng vào chăm sóc, nuôi dưỡng tại cơ sở BTXH thuộc thẩm quyền quản lý hoặc có văn bản đề nghị Sở Lao động - Thương binh và Xã hội;

d) Khi nhận được hồ sơ của đối tượng và văn bản đề nghị của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện, Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội quyết định tiếp nhận đối tượng vào chăm sóc, nuôi dưỡng tại cơ sở BTXH thuộc thẩm quyền quản lý;

đ) Trường hợp đối tượng không được tiếp nhận vào chăm sóc, nuôi dưỡng thì cơ quan tiếp nhận hồ sơ của đối tượng phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do;

e) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm tổ chức đưa và bàn giao đối tượng cho cơ sở BTXH.

3. Thủ tục quyết định tiếp nhận vào cơ sở BTXH đối với đối tượng tự nguyện sống tại cơ sở BTXH theo quy định tại Khoản 2 Điều 2 Quy chế này:

a) Đối tượng hoặc người giám hộ, thân nhân đối tượng làm hồ sơ theo quy định gửi cơ sở BTXH;

b) Khi nhận được hồ sơ của đối tượng, người đứng đầu cơ sở BTXH quyết định tiếp nhận và ký hợp đồng dịch vụ chăm sóc theo quy định.

4. Việc bàn giao đối tượng giữa chính quyền địa phương (hoặc thân nhân đối tượng) và cơ sở BTXH phải được lập thành biên bản và lưu giữ trong hồ sơ đối tượng.

Biên bản nêu rõ tình trạng sức khỏe, hồ sơ, vật dụng, tư trang kèm theo của đối tượng (nếu có), có ký xác nhận của các thành phần tham dự bàn giao và đại diện cơ sở BTXH.

#### **Điều 14. Thẩm quyền tiếp nhận đối tượng vào cơ sở BTXH**

1. Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội quyết định tiếp nhận đối tượng vào cơ sở BTXH thuộc tỉnh quản lý, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định tiếp nhận đối tượng vào cơ sở BTXH thuộc cấp huyện quản lý.

2. Người đứng đầu cơ sở BTXH ra quyết định tiếp nhận đối tượng quy định tại Khoản 2 Điều 2 Quy chế này.

#### **Điều 15. Lập hồ sơ quản lý đối tượng**

Cơ sở BTXH phải tiến hành lập và quản lý hồ sơ cá nhân của từng đối tượng, cụ thể như sau:

1. Đơn đề nghị của đối tượng hoặc gia đình, người thân; người giám hộ có xác nhận của Trưởng khu phố, ấp và Ủy ban nhân dân cấp xã nơi đối tượng cư trú;

2. Lý lịch trích ngang của đối tượng;

3. Giấy khai sinh đối với trẻ em (trường hợp trẻ em bị bỏ rơi phải làm thủ tục đăng ký khai sinh);

4. Văn bản xác nhận của cơ quan y tế có thẩm quyền về tình trạng người nhiễm HIV/AIDS, người khuyết tật, người tâm thần;

5. Biên bản đối với trường hợp khẩn cấp có nguy cơ đe dọa đến tính mạng của đối tượng;

6. Biên bản kết luận của Hội đồng xét duyệt cấp xã hoặc văn bản đề nghị của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã (nếu có);

8. Đối với đối tượng là người khuyết tật đặc biệt nặng (những người do khuyết tật dẫn đến mất hoàn toàn chức năng, không tự kiểm soát hoặc không tự thực hiện các hoạt động đi lại, mặc quần áo, vệ sinh cá nhân và những việc khác phục vụ nhu cầu sinh hoạt cá nhân hàng ngày mà cần có người theo dõi, trợ giúp, chăm sóc hoàn toàn) còn có các giấy tờ sau:

a) Tờ khai thông tin người khuyết tật (Mẫu 1đ kèm theo Thông tư liên tịch số 29/2014/TTLT-BLĐTBXH-BTC);

b) Bản sao giấy xác nhận khuyết tật;



c) Bản sao hộ khẩu;

d) Bản sao giấy khai sinh hoặc chứng minh nhân dân;

9. Văn bản đề nghị của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện gửi cơ quan quản lý cơ sở BTXH (nếu vào cơ sở BTXH của tỉnh);

10. Quyết định tiếp nhận của Thủ trưởng cơ quan quản lý hoặc hợp đồng dịch vụ chăm sóc, nuôi dưỡng đối tượng tự nguyện;

11. Quyết định chuyển đối tượng về gia đình, cộng đồng hoặc ngừng trợ cấp và chi phí hỗ trợ mai táng (trường hợp đối tượng qua đời) hoặc biên bản thanh lý hợp đồng dịch vụ chăm sóc, nuôi dưỡng đối tượng;

10. Các văn bản có liên quan đến đối tượng trong thời gian đối tượng sống tại cơ sở BTXH.

### **Điều 16. Lập sổ sách quản lý đối tượng**

1. Các cơ sở BTXH phải lập đầy đủ sổ sách quản lý đối tượng, phản ánh các nội dung chủ yếu sau: Họ tên, giới tính, ngày tháng năm sinh, nơi thường trú trước (hoặc sau) khi vào (hoặc rời) cơ sở BTXH, trình độ văn hoá, nghề nghiệp, ngày tháng năm được tiếp nhận và được ra khỏi cơ sở BTXH; tên cha mẹ hoặc tên người giám hộ hợp pháp; lý do vào, lý do ra khỏi cơ sở BTXH; những thông tin khác (nếu có); ảnh 3x4.

2. Đối với trẻ bị bỏ rơi: trong thời hạn 25 ngày kể từ ngày tiếp nhận, cơ sở BTXH phải phối hợp với các cơ quan thông tin, báo chí truy tìm thân nhân cho trẻ và làm việc với chính quyền địa phương cùng cơ quan chức năng (cơ quan tư pháp, công an xã, phường, thị trấn) để làm giấy khai sinh cho trẻ bị bỏ rơi, nhập hộ khẩu, đồng thời đề nghị cấp thẻ bảo hiểm y tế cho đối tượng để thực hiện việc khám chữa bệnh theo quy định của Luật Bảo hiểm y tế.

3. Đối với người lang thang, ăn xin không rõ nguồn gốc, không được thân nhân bảo lãnh, không có khả năng tái hòa nhập cộng đồng: các cơ sở BTXH liên hệ với chính quyền địa phương, nơi cơ sở BTXH có trụ sở thực hiện các thủ tục về hộ tịch, hộ khẩu, chứng minh nhân dân ... để đối tượng thực hiện quyền và nghĩa vụ công dân khi có khả năng tự lực cuộc sống, ổn định tương lai.

### **Điều 17. Trách nhiệm của cơ sở BTXH trong việc chăm sóc, nuôi dưỡng đối tượng xã hội**

1. Quy trình phân loại và chăm sóc đối tượng gồm các bước sau:

a) Tiếp nhận thông tin, yêu cầu của đối tượng; tổ chức sàng lọc và phân loại đối tượng.

b) Đánh giá về tâm sinh lý, tình trạng sức khỏe và các nhu cầu của đối tượng.

c) Lập kế hoạch chăm sóc đối tượng.

d) Thực hiện kế hoạch chăm sóc.

e) Thu thập dữ liệu, tổng hợp, phân tích và đánh giá sự tiến triển của đối tượng; giám sát, đánh giá các hoạt động chăm sóc và điều chỉnh kế hoạch chăm sóc nếu cần thiết.

g) Lập kế hoạch dùng chăm sóc và tái hòa nhập cộng đồng cho các đối tượng.

2. Các cơ sở BTXH đảm bảo tiêu chuẩn về y tế, vệ sinh, quần áo, dinh dưỡng, giáo dục, dạy nghề, vui chơi, giải trí cho đối tượng được nuôi dưỡng tại cơ sở BTXH, cụ thể như sau:

a) Tiêu chuẩn về y tế, vệ sinh, quần áo và dinh dưỡng

- Chăm sóc y tế: Cơ sở BTXH có cán bộ y tế, trang thiết bị, dụng cụ y tế phù hợp, tủ thuốc bảo đảm chăm sóc sức khoẻ ban đầu, sơ cấp cứu khi cần thiết; điều trị và mở sổ theo dõi; kiểm tra sức khoẻ định kỳ 6 tháng và hàng năm cho từng đối tượng. Đối với cơ sở BTXH có nhiệm vụ phục hồi chức năng thì phải có cán bộ và trang thiết bị phục hồi chức năng cho đối tượng.

- Vệ sinh và đồ dùng sinh hoạt :

+ Cung cấp đầy đủ nước uống sạch và bảo đảm vệ sinh tắm, giặt hàng ngày cho đối tượng;

+ Cung cấp đồ dùng vệ sinh cá nhân, gồm xà phòng tắm, khăn tắm, khăn mặt, kem đánh răng và bàn chải đánh răng riêng;

+ Cung cấp đồ dùng phục vụ việc ngủ, gồm: giường nằm, chiếu, gối, chăn, màn;

+ Có nội quy riêng của cơ sở BTXH quy định dọn dẹp vệ sinh và vệ sinh cá nhân.

- Quần áo: Đối tượng được trang bị quần áo đồng phục đi học (đối với trẻ trong độ tuổi đi học), tất và dép được cung cấp ít nhất 6 tháng/01 lần và được thay thế trong trường hợp bị hư hỏng, mất và quần áo mặc đủ ấm về mùa đông.

- Dinh dưỡng :

+ Cung cấp ít nhất ba bữa ăn sáng, trưa và tối mỗi ngày;

+ Bảo đảm dinh dưỡng đủ calo, có chất đạm (thịt, cá, đậu nành, chất bột đường, ngũ cốc, rau quả);

+ Có chế độ dinh dưỡng đặc biệt cho những đối tượng có nhu cầu đặc biệt như trẻ sơ sinh, trẻ khuyết tật, trẻ nhiễm HIV, trẻ bị ốm hoặc suy dinh dưỡng, người cao tuổi và những đối tượng có chế độ ăn kiêng theo bệnh tật, theo tôn giáo hay tín ngưỡng.

b) Tiêu chuẩn về giáo dục và học nghề: Cơ sở BTXH bảo đảm cung cấp cho đối tượng được học văn hoá (đối với người có khả năng học tập); được học nghề (đối với trẻ em từ 13 tuổi trở lên và những người có khả năng lao động và có nhu cầu học nghề), cụ thể:

- Bảo đảm phổ cập giáo dục theo quy định tại khoản 1, Điều 11 Luật Giáo dục năm 2005.

- Cung cấp giáo dục chính quy hoặc không chính quy trong các trường công lập, dân lập hoặc các cơ sở BTXH.

- Giáo dục đối tượng về đạo đức xã hội, vệ sinh, kiến thức phòng chống lây nhiễm HIV/AIDS, sức khỏe sinh sản và các chủ đề khác phù hợp với độ tuổi và giới tính.

- Hướng dẫn đối tượng các phương pháp tự phòng tránh buôn bán, lạm dụng, bạo hành và bóc lột.

- Cung cấp sách vở, tài liệu học tập và bố trí nơi học tập cho đối tượng.

- Tư vấn để đối tượng tự lựa chọn học nghề và phù hợp với điều kiện của địa phương.

- Đối tượng được hỗ trợ học tiếp lên hoặc học nghề tùy thuộc vào độ tuổi, sự lựa chọn và nhu cầu thị trường.

c) Tiêu chuẩn về văn hoá, thể thao và giải trí:

- Về văn hoá

+ Môi trường văn hoá có sự quan tâm, chia sẻ và hỗ trợ đối tượng thể hiện tình cảm, suy nghĩ, ý tưởng và sự sáng tạo;

+ Có cơ hội tham gia vào các hoạt động tôn giáo và xã hội;

+ Học văn hoá truyền thống dân tộc và tôn trọng quyền tự do về tôn giáo, tín ngưỡng trong khuôn khổ pháp luật Việt Nam;

+ Có quyền lựa chọn tôn giáo mà không bị phân biệt đối xử, không bị ép buộc theo một tôn giáo để được chăm sóc trong cơ sở BTXH.

- Về thể thao, vui chơi, giải trí

+ Tham gia vào các hoạt động thể thao, vui chơi, giải trí phù hợp với lứa tuổi và người dân ở cộng đồng; hỗ trợ cho người khuyết tật tham gia một cách an toàn vào các hoạt động kể trên;

+ Được tạo điều kiện để làm quen, kết bạn với những người sống xung quanh, bạn học ở trường và cộng đồng; gặp gỡ với gia đình hoặc những người thân, bạn bè, trừ một số trường hợp có khả năng đe dọa đến sự an toàn của đối tượng.

d) Tiêu chuẩn về môi trường, khuôn viên và nhà ở

- Môi trường và khuôn viên của cơ sở BTXH bảo đảm các điều kiện sau:

+ Có ít nhất một khu vườn, cột cờ và không gian phù hợp cho đối tượng tập thể dục, vui chơi và thể thao. Nếu có ao, hồ thì cần được rào lại, bảo đảm an toàn cho đối tượng;

+ Có khu đất để tăng gia, sản xuất phục vụ cuộc sống, sinh hoạt hàng ngày tại cơ sở bảo trợ xã hội;

+ Có nơi đổ rác, chất thải thường xuyên và các biện pháp xử lý rác, chất thải phù hợp;

+ Có hệ thống thoát nước;

+ Có khu chăn nuôi gia súc, gia cầm cách xa khu vực văn phòng và nhà ở;

- Có tường rào và đèn chiếu sáng nhằm đảm bảo sự an toàn cho cơ sở BTXH.

- Cổng cơ sở BTXH có biển ghi tên và địa chỉ rõ ràng.

- Có phòng tang lễ, nhà thấp hương cho đối tượng qua đời.

- Diện tích đất và phòng ở của cơ sở BTXH thực hiện theo quy định tại Điều 7 Quy chế này.

- Cơ sở vật chất của cơ sở BTXH bảo đảm có:

+ Cửa ra vào, cửa sổ cung cấp đủ ánh sáng và bảo đảm thông thoáng;

+ Các hệ thống bảo đảm an toàn cho đối tượng, bao gồm việc lắp đặt các hệ thống điện, gas và thoát nước một cách phù hợp;

+ Các thùng rác phù hợp;

+ Nhà vệ sinh, nhà tắm phù hợp với các nhóm đối tượng, bao gồm cả người khuyết tật; có nhà vệ sinh, nhà tắm riêng cho phụ nữ;

+ Phòng ngủ của đối tượng có diện tích phù hợp và đảm bảo diện tích để đặt các ngăn tủ chứa vật dụng cá nhân cho không quá 8 người;

+ Sắp xếp việc ngủ, nghỉ cho đối tượng phù hợp với độ tuổi và giới tính;

+ Có khu sinh hoạt chung cho đối tượng trong thời gian rảnh rỗi;

+ Có bếp và phòng ăn chung cho đối tượng;

+ Có phòng y tế để thực hiện công tác chăm sóc sức khoẻ ban đầu cho đối tượng;

+ Có trang thiết bị cần thiết cho người khuyết tật.

3. Đối với trẻ em dưới 15 tuổi chưa học hết chương trình bậc tiểu học, cơ sở BTXH phải tạo điều kiện cho các em được học chữ, học hướng nghiệp phù hợp với điều kiện lứa tuổi, sức khoẻ và trình độ. Trẻ em có năng khiếu cần được tạo điều kiện để được học cao hơn và phát triển tài năng.

### **Điều 18. Quản lý trường hợp đối với người khuyết tật**

Đối tượng đang được chăm sóc, nuôi dưỡng tại các cơ sở BTXH là người khuyết tật đặc biệt nặng, trẻ em khuyết tật đặc biệt nặng, ngoài việc thực hiện các quy định trên, cơ sở còn thực hiện quản lý trường hợp đối với người khuyết tật như sau:

## 1. Thu thập thông tin và nhu cầu của người khuyết tật

a) Thu thập thông tin và nhu cầu của người khuyết tật (Mẫu số 01 kèm theo Thông tư số 01/2015/TT-BLĐTBXH).

b) Thông tin về người khuyết tật: Họ và tên, ngày sinh, giới tính, tình trạng hôn nhân, địa chỉ nơi ở, thông tin liên lạc, số chứng minh nhân dân; Nghề nghiệp; Trình độ học vấn và trình độ chuyên môn; Các dịch vụ và chính sách trợ giúp xã hội mà người khuyết tật đang thụ hưởng (trợ cấp hàng tháng ngoài cộng đồng hoặc nuôi dưỡng trong các cơ sở bảo trợ xã hội; được hỗ trợ học nghề miễn phí; được cung cấp xe lăn, xe lắc miễn phí...); Nhu cầu hỗ trợ theo thứ tự ưu tiên của người khuyết tật; Thu nhập của người khuyết tật (thu nhập hàng tháng, nếu có nguồn thu nhập ổn định).

c) Thông tin về tình trạng khuyết tật:

- Dạng tật, mức độ khuyết tật và nguyên nhân;
- Khả năng tự phục vụ trong sinh hoạt của người khuyết tật;
- Hiện trạng về thể chất, tinh thần (tốt hay trung bình hay xấu, nếu trung bình và xấu thì ghi rõ tình trạng hiện tại của người khuyết tật mà mắt thường và tiếp xúc ban đầu có thể nhận biết được).

d) Thông tin về gia đình người khuyết tật:

- Số thành viên trong gia đình;
- Hoàn cảnh kinh tế;
- Nguồn thu nhập chính của gia đình (bao gồm: Khoản thu nhập từ việc làm, chính sách trợ cấp xã hội hàng tháng và các chương trình trợ giúp xã hội khác như học nghề...);

- Các khoản chi phí mua lương thực, thức ăn, quần áo, học phí, khám, chữa bệnh, chi khác và khả năng chi trả;

- Điều kiện chỗ ở và môi trường sống.

+ Khả năng chăm sóc người khuyết tật của gia đình

+ Nhu cầu cần hỗ trợ theo thứ tự ưu tiên, gồm: nhu cầu về tìm việc làm, học nghề (học tập), chỗ ở, hỗ trợ phương tiện đi lại (xe lăn, xe lắc hoặc cấp thẻ xe buýt), phẫu thuật (mổ hàm ếch...), làm dụng cụ chỉnh hình (chân, tay giả...), khám chữa bệnh; Nhu cầu nào mà người khuyết tật thấy cấp thiết thì ghi trước tiên, sau đó đến các nhu cầu khác.

+ Thông tin khác nếu có.

2. Đánh giá nhu cầu của người khuyết tật (Mẫu số 02 kèm theo Thông tư số 01/2015/TT-BLĐTBXH)

a) Người quản lý trường hợp đánh giá nhu cầu của người khuyết tật trên các lĩnh vực cụ thể như: Hỗ trợ sinh kế (sinh sống, cụ thể như hỗ trợ tìm việc làm, tạo việc làm bằng các hình thức: giới thiệu làm công nhân, làm hàng gia công tại gia đình hoặc các cơ sở, bán vé số....); Chăm sóc sức khỏe, y tế; Giáo dục, học nghề, việc làm; Mối quan hệ gia đình và xã hội; Các kỹ năng sống; Tham gia, hòa nhập cộng đồng; Tâm lý, tình cảm; Nhu cầu khác.

- Việc đánh giá được đánh dấu nhân (x) vào ô tương ứng theo mẫu.

- Việc xác định hoàn cảnh kinh tế của người khuyết tật thuộc hộ nghèo hay cận nghèo căn cứ vào chuẩn nghèo hiện hành từng thời kỳ do Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành.

b) Trường hợp người khuyết tật không cung cấp được đầy đủ thông tin, người quản lý trường hợp có trách nhiệm phối hợp với đại diện gia đình hoặc người giám hộ đánh giá nhu cầu của người khuyết tật.

### 3. Xây dựng kế hoạch trợ giúp người khuyết tật

a) Căn cứ kết quả đánh giá nhu cầu của người khuyết tật, người quản lý trường hợp xác định người khuyết tật cần được quản lý trường hợp theo các tiêu chí sau:

- Có nhu cầu được trợ giúp liên tục: trợ giúp thường xuyên theo từng đợt đến khi người khuyết tật có đủ điều kiện ngưng trợ giúp.

- Có nhu cầu được trợ giúp lâu dài: trong quá trình thu thập thông tin về người khuyết tật và đánh giá nhu cầu của người khuyết tật, người quản lý trường hợp xét thấy trường hợp người khuyết tật không thể thực hiện ngắn hạn 03 tháng được thì đưa vào trường hợp trợ giúp lâu dài (12 tháng trở lên).

- Tự nguyện tham gia: Yếu tố đầu tiên trong việc quản lý trường hợp là vận động được người khuyết tật tự nguyện tham gia để nâng cao hiệu quả của việc trợ giúp.

- Đủ điều kiện để nhận dịch vụ tại địa phương: Trên cơ sở đánh giá về hoàn cảnh sinh kế thiết yếu, chăm sóc sức khỏe, giáo dục, học nghề của người khuyết tật và gia đình (nếu có), người quản lý trường hợp kiến nghị người đứng đầu cơ sở BTXH xem xét có đủ điều kiện nhận các dịch vụ trợ giúp hay không.

Các tiêu chí xác định người khuyết tật thuộc diện quản lý trường hợp (Mẫu số 03 kèm theo Thông tư số 01/2015/TT-BLĐTBXH).

b) Xây dựng kế hoạch trợ giúp người khuyết tật (Mẫu số 04 kèm theo Thông tư số 01/2015/TT-BLĐTBXH): Người quản lý trường hợp phối hợp với người khuyết tật, gia đình hoặc người giám hộ của người khuyết tật và các tổ chức, cá nhân liên quan để xây dựng kế hoạch trợ giúp người khuyết tật. Nội dung kế hoạch trợ giúp người khuyết tật bao gồm:

- Mục tiêu cụ thể cần đạt được;

- Các hoạt động cụ thể cần thực hiện theo thứ tự ưu tiên để đạt được mục tiêu;
- Khung thời gian thực hiện cho từng hoạt động;
- Nguồn lực cần thiết để thực hiện các hoạt động được đề ra;
- Trách nhiệm của tổ chức, gia đình và cá nhân tham gia và người chịu trách nhiệm cho từng nhiệm vụ;

- Các đơn vị cung cấp dịch vụ tham gia thực hiện kế hoạch.

c) Việc điều chỉnh kế hoạch trợ giúp được thực hiện tối thiểu 6 tháng/1 lần và có phê duyệt của Lãnh đạo đơn vị.

#### 4. Thực hiện kế hoạch trợ giúp người khuyết tật

a) Người quản lý trường hợp sau khi hoàn tất hồ sơ, trình người đứng đầu cơ sở BTXH phê duyệt kế hoạch trợ giúp người khuyết tật.

b) Người quản lý trường hợp phối hợp với các cơ quan, đoàn thể cấp xã và các cơ sở cung cấp dịch vụ công tác xã hội hỗ trợ người khuyết tật thực hiện kế hoạch. Các nội dung hỗ trợ gồm:

- Tư vấn, giới thiệu người khuyết tật tiếp cận các cơ quan, đơn vị chức năng hoặc cơ sở cung cấp dịch vụ y tế, việc làm, giáo dục, xã hội và cơ sở khác;

- Chuyên tuyến, kết nối với các cơ quan, đơn vị chức năng hoặc cơ sở cung cấp dịch vụ y tế, việc làm, giáo dục, xã hội và cơ sở khác đáp ứng nhu cầu của người khuyết tật;

- Hỗ trợ người khuyết tật tiếp cận, thụ hưởng các chính sách và chương trình trợ giúp xã hội;

- Vận động nguồn lực thực hiện kế hoạch trợ giúp người khuyết tật.

#### 5. Báo cáo kết quả thực hiện kế hoạch trợ giúp người khuyết tật

a) Người quản lý trường hợp có trách nhiệm theo dõi, ghi chép tiến độ và báo cáo kết quả thực hiện kế hoạch trợ giúp người khuyết tật theo định kỳ hàng quý một lần về Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội cấp huyện để báo cáo về Sở Lao động - Thương binh và Xã hội về kết quả quản lý trường hợp người khuyết tật.

b) Người quản lý trường hợp rà soát, đề xuất cấp có thẩm quyền điều chỉnh, bổ sung kế hoạch trợ giúp người khuyết tật cho phù hợp với nhu cầu của người khuyết tật;

c) Ghi chép tiến độ và tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện kế hoạch trợ giúp người khuyết tật (Mẫu số 05 kèm theo Thông tư số 01/2015/TT-BLĐTBXH).

#### 6. Theo dõi, đánh giá và kết thúc quản lý trường hợp với người khuyết tật

a) Người quản lý trường hợp theo dõi và đánh giá quá trình thực hiện kế hoạch trợ giúp người khuyết tật theo các nội dung sau đây:

- Kết quả thực hiện kế hoạch trợ giúp người khuyết tật;
- Mức độ đáp ứng nhu cầu của người khuyết tật;
- Khả năng sống độc lập và năng lực hòa nhập cộng đồng của người khuyết tật;
- Mức độ phù hợp của các dịch vụ được cung cấp cho người khuyết tật;
- Khả năng kết nối dịch vụ;
- Các nội dung khác có liên quan.

b) Căn cứ vào kết quả đánh giá quá trình thực hiện kế hoạch trợ giúp người khuyết tật, người quản lý trường hợp đề xuất kết thúc trường hợp với người khuyết tật và trình người đứng đầu cơ sở BTXH quyết định.

c) Kết thúc quản lý trường hợp (Mẫu số 05 kèm theo Thông tư số 01/2015/TT-BLĐTBXH).

- Trường hợp phải kết thúc quản lý:
  - + Mục tiêu đã đạt được;
  - + Dịch vụ cung cấp cho người khuyết tật không phù hợp;
  - + Người khuyết tật không liên hệ trong vòng 6 tháng hoặc lâu hơn;
  - + Người khuyết tật được chuyển sang một cán bộ quản lý trường hợp khác;
  - + Người khuyết tật chuyển khỏi địa bàn cung cấp dịch vụ;
  - + Cơ sở cung cấp dịch vụ kết thúc hợp đồng với người khuyết tật;
  - + Cùng đồng ý kết thúc dịch vụ;
  - + Người khuyết tật được chuyển tới một chương trình với những dịch vụ hợp lý hơn;
  - + Người khuyết tật không cần đến dịch vụ nữa;
  - + Người khuyết tật chết;
  - + Các nguyên nhân khác.

- Người quản lý trường hợp báo cáo cấp có thẩm quyền tổ chức họp với các cơ quan, đoàn thể, tổ chức, người khuyết tật, gia đình hoặc người giám hộ của người khuyết tật để thống nhất kết thúc quản lý trường hợp với người khuyết tật.

- Người quản lý trường hợp, người khuyết tật, gia đình hoặc người giám hộ của người khuyết tật và người đứng đầu cơ sở BTXH ký vào biên bản kết thúc quản lý trường hợp với người khuyết tật.

d) Người quản lý trường hợp cần ghi chép đầy đủ, chính xác các thông tin theo dõi quy trình quản lý trường hợp với người khuyết tật. Hồ sơ quản lý trường hợp người khuyết tật được lưu trữ và bảo mật tại đơn vị theo quy định của pháp luật hiện



hành về lưu trữ. Việc chia sẻ thông tin cá nhân của người khuyết tật phải có sự đồng ý của người khuyết tật, gia đình hoặc người giám hộ của người khuyết tật và người đứng đầu cơ sở BTXH.

### **Điều 19. Đưa đối tượng về sống tại gia đình, cộng đồng**

1. Cơ sở BTXH đưa đối tượng về sống tại gia đình, cộng đồng khi đối tượng đáp ứng được một trong các trường hợp sau:

a) Trẻ em mồ côi, trẻ em bị bỏ rơi đã đến tuổi trưởng thành, đã tìm được thân nhân hoặc có người đủ điều kiện và tiêu chuẩn nhận làm giám hộ và con nuôi theo quy định hiện hành.

Việc cho trẻ em làm con nuôi thực hiện theo quy định của Luật nuôi con nuôi và các văn bản hướng dẫn thi hành.

b) Người khuyết tật đã phục hồi chức năng, người mắc bệnh tâm thần đã khỏi bệnh và đã được cơ quan chuyên môn giám định, có người thân đón về cộng đồng.

c) Cá nhân hoặc gia đình đối tượng làm đơn tự nguyện xin ra khỏi cơ sở BTXH.

d) Người lang thang xin ăn có đơn bảo lãnh của gia đình hoặc của người thân có xác nhận của chính quyền địa phương nơi cư trú. Trường hợp người lang thang không còn thân nhân, có sức khỏe và nguyện vọng hòa nhập cộng đồng, được cơ sở BTXH xem xét, giải quyết theo quy định tại điểm b Khoản 2 Điều 20 Quy chế này.

e) Có người nhận chăm sóc, nuôi dưỡng tại cộng đồng, đối với đối tượng là người cao tuổi và người khuyết tật thì người nhận chăm sóc, nuôi dưỡng phải đủ các điều kiện sau:

- Người nhận chăm sóc, nuôi dưỡng người khuyết tật
- + Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ;
- + Có phẩm chất đạo đức tốt, không mắc tệ nạn xã hội và không thuộc đối tượng bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc đã bị kết án mà chưa xóa án tích;
- + Có sức khỏe và kỹ năng để chăm sóc người khuyết tật;
- + Có chỗ ở ổn định;
- + Không thuộc diện hộ nghèo theo quy định của tỉnh.
- Người nhận chăm sóc, nuôi dưỡng người cao tuổi
- + Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ và thực hiện tốt chủ trương chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước;
- + Có sức khỏe và kinh nghiệm chăm sóc người cao tuổi;
- + Có nơi ở ổn định và nơi ở cho người cao tuổi;
- + Có điều kiện kinh tế;

+ Đang sống cùng chồng hoặc vợ thì chồng hoặc vợ phải bảo đảm điều kiện trên.

- Trường hợp không được tiếp tục nhận chăm sóc, nuôi dưỡng người cao tuổi và người khuyết tật:

+ Có hành vi đối xử tệ bạc đối với người cao tuổi, người khuyết tật;

+ Lợi dụng việc nhận việc chăm sóc, nuôi dưỡng để trục lợi;

+ Có tình trạng kinh tế hoặc lý do khác dẫn đến không còn bảo đảm việc chăm sóc, nuôi dưỡng người cao tuổi, người khuyết tật;

+ Vi phạm nghiêm trọng quyền của người được nhận nuôi dưỡng, chăm sóc.

g) Không đủ điều kiện nuôi dưỡng, chăm sóc trong cơ sở BTXH theo quy định.

2. Người lang thang, ăn xin theo Quy chế này được nuôi dưỡng tập trung tại cơ sở BTXH nhưng đã xác định được quê quán, nơi cư trú thì cơ sở BTXH lập hồ sơ chuyển cho Sở Lao động -Thương binh và Xã hội (đối với cơ sở BTXH do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thành lập) hoặc Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội (đối với cơ sở BTXH do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định thành lập) để tổng hợp, đề nghị Sở Lao động -Thương binh và Xã hội lập thủ tục chuyển trả đối tượng về địa phương ngoài tỉnh.

3. Hồ sơ đưa đối tượng hòa nhập cộng đồng:

a) Quyết định của người đứng đầu cơ sở BTXH đưa đối tượng về gia đình, cộng đồng;

b) Biên bản bàn giao đối tượng giữa cơ sở BTXH và thân nhân hoặc người giám hộ của đối tượng.

c) Biên bản thanh lý hợp đồng (đối với đối tượng tự nguyện);

Nội dung biên bản bàn giao và biên bản thanh lý hợp đồng theo quy định tại các Khoản 2, 3, 4 Điều 21 Quy chế này.

4. Số lượng hồ sơ: 01 (một) bộ, được cơ sở BTXH lưu trong hồ sơ của đối tượng.

## **Điều 20. Định hướng chăm sóc, nuôi dưỡng đối tượng**

1. Định kỳ hàng tháng hoặc hàng quý, các cơ sở BTXH tổ chức họp Hội đồng tư vấn (hoặc Hội đồng tham vấn) để đánh giá về sức khỏe, định hướng học văn hóa, học nghề và hòa nhập cộng đồng cho các đối tượng sống ở cơ sở BTXH.

a) Thành phần Hội đồng tư vấn (hoặc Hội đồng tham vấn) gồm có: Người đứng đầu cơ sở BTXH, trưởng các bộ phận liên quan đến việc chăm sóc, nuôi dưỡng đối tượng do người đứng đầu cơ sở BTXH quyết định thành lập.

b) Hội đồng thảo luận, đánh giá và biểu quyết theo đa số các vấn đề về định hướng việc chăm sóc, nuôi dưỡng, học văn hóa, học nghề... và hòa nhập cộng đồng của đối tượng, kết thúc cuộc họp có biên bản và chuyển về cơ quan quản lý trực tiếp để theo dõi.

Biên bản họp Hội đồng là cơ sở để xem xét, đưa đối tượng không còn thân nhân và không có người bảo lãnh nhưng có sức khỏe hòa nhập cộng đồng.

2. Hồ sơ đưa đối tượng lang thang, ăn xin hòa nhập cộng đồng

a) Nếu đối tượng còn thân nhân:

- Đơn đề nghị bảo lãnh của gia đình, người thân (ông, bà, cha, mẹ, vợ, chồng, con, anh chị em ruột, chú, bác, cô, cậu, dì...) hoặc người giám hộ theo quy định của pháp luật, có xác nhận của Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn nơi thân nhân đối tượng thường trú. Đơn bảo lãnh cần có các nội dung sau:

+ Thông tin về người bảo lãnh và người được bảo lãnh (họ tên, năm sinh, hộ khẩu thường trú hoặc tạm trú dài hạn, mối quan hệ giữa người bảo lãnh với người được bảo lãnh).

+ Cam kết của gia đình đối tượng trong việc quản lý, giáo dục và ổn định đời sống cho đối tượng khi được bảo lãnh trở về gia đình.

- Bản sao chứng minh nhân dân, hộ khẩu hoặc các giấy tờ tùy thân của thân nhân người được bảo lãnh (nếu có).

b) Đối tượng lang thang, ăn xin hoặc các đối tượng khác khi không đủ điều kiện được chăm sóc, nuôi dưỡng tại cơ sở BTXH, không còn thân nhân nhưng có sức khỏe, có khả năng làm việc, có tay nghề và có nguyện vọng được hòa nhập cộng đồng: đơn đề nghị hòa nhập cộng đồng của đối tượng và bản cam kết không tái phạm lang thang, ăn xin.

3. Số lượng hồ sơ nộp: 01 (một) bộ; không thu phí hay lệ phí.

4. Địa điểm nộp hồ sơ: tại các cơ sở BTXH, nơi đối tượng được chăm sóc, nuôi dưỡng.

5. Thời gian giải quyết hồ sơ cho đối tượng ở cơ sở BTXH hòa nhập cộng đồng: trong 01 (một) ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

### **Điều 21. Thẩm quyền đưa đối tượng ra khỏi cơ sở BTXH**

1. Người đứng đầu cơ sở BTXH quyết định đưa ra khỏi cơ sở BTXH khi đối tượng đáp ứng một trong các điều kiện quy định tại Khoản 1 Điều 19 Quy chế này, đồng thời gửi cơ quan quản lý trực tiếp (Sở Lao động - Thương binh và Xã hội hoặc Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội cấp huyện) 01 (một) bản để theo dõi, quản lý.

2. Quyết định đưa đối tượng về cộng đồng, gia đình phải có địa chỉ cụ thể nơi đối tượng trở về gia đình, cộng đồng (thôn, khu ấp; xã, phường, thị trấn; huyện, thị xã, thành phố và tỉnh, thành phố) và lý do hòa nhập (được gia đình bảo lãnh, được cho làm con nuôi, không đủ điều kiện để sống trong các cơ sở...).

3. Việc bàn giao đối tượng về gia đình, cộng đồng phải được lập thành biên bản, nêu rõ tình trạng sức khỏe của đối tượng, những vật dụng, tư trang đối tượng được nhận lại (nếu có), biên bản có xác nhận của cơ sở BTXH và thân nhân đối tượng.

4. Đối với đối tượng tự nguyện theo quy định tại Khoản 2 Điều 2 Quy chế này, trước khi trở về gia đình, ngoài việc bàn giao đối tượng thể hiện bằng biên bản, cơ sở BTXH và thân nhân đối tượng thực hiện việc thanh lý hợp đồng chăm sóc, nuôi dưỡng, hoàn thành các nghĩa vụ tài chính để chấm dứt quyền và nghĩa vụ của các bên trong hợp đồng.

#### **Điều 22. Trách nhiệm của cơ sở BTXH khi đối tượng chết**

1. Trong thời hạn 02 (hai) ngày kể từ ngày đối tượng chết, người đứng đầu cơ sở BTXH có trách nhiệm báo cáo với cơ quan quản lý trực tiếp và phối hợp với cơ quan chuyên môn xác định nguyên nhân chết, lập thủ tục khai tử, đồng thời tổ chức mai táng theo qui định.

2. Trường hợp phát hiện đối tượng bị chết không phải do nguyên nhân già yếu, bệnh tật thì người đứng đầu cơ sở BTXH phải thông báo cho cơ quan chức năng (chính quyền địa phương, Công an) tổ chức khám nghiệm trước khi an táng. Nếu có dấu hiệu tội phạm thì phối hợp với cơ quan điều tra lập thủ tục điều tra, truy cứu trách nhiệm hình sự theo qui định.

#### **Điều 23. Trách nhiệm của cơ sở BTXH khi đối tượng trốn khỏi cơ sở**

Trong thời hạn 07 (bảy) ngày kể từ ngày đối tượng trốn khỏi cơ sở BTXH, sau khi đã tiến hành hoạt động tìm kiếm không có kết quả, người đứng đầu cơ sở BTXH phải báo cáo cơ quan quản lý trực tiếp để thực hiện chấm dứt các chế độ nuôi dưỡng tập trung đối với đối tượng.

### **Chương IV QUẢN LÝ NHÂN VIÊN, QUẢN LÝ TÀI CHÍNH VÀ TÀI SẢN CỦA CƠ SỞ BTXH**

#### **Điều 24. Cơ cấu tổ chức và cán bộ nhân viên của cơ sở**

Cơ quan nhà nước có thẩm quyền quản lý cơ sở BTXH công lập và người đứng đầu cơ sở BTXH ngoài công lập quyết định cơ cấu tổ chức, số lượng cán bộ, nhân viên cho phù hợp để đảm bảo thực hiện nhiệm vụ.

## **Điều 25. Nguồn tài chính, tài sản của cơ sở BTXH**

1. Đối với cơ sở BTXH công lập:
  - a) Nguồn ngân sách nhà nước cấp;
  - b) Nguồn đóng góp của các đối tượng tự nguyện;
  - c) Nguồn thu từ hoạt động lao động sản xuất, dịch vụ của cơ sở bảo trợ xã hội và nguồn khác theo quy định của pháp luật;
  - d) Nguồn trợ giúp từ các tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài.
2. Đối với cơ sở BTXH ngoài công lập:
  - a) Nguồn tự có của chủ cơ sở BTXH;
  - b) Nguồn trợ giúp từ các tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài;
  - c) Nguồn đóng góp của đối tượng tự nguyện;
  - d) Nguồn thu khác theo quy định của pháp luật;
  - đ) Hỗ trợ từ ngân sách nhà nước để nuôi dưỡng các đối tượng được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền đồng ý tiếp nhận.

## **Điều 26. Quản lý, sử dụng tài chính, tài sản**

1. Cơ sở BTXH thực hiện quản lý tài chính, tài sản theo các quy định của pháp luật.
2. Việc sử dụng và quản lý các nguồn kinh phí quy định tại Điều 25 Quy chế này phải thực hiện công khai, dân chủ và theo đúng quy định của pháp luật.
3. Cơ sở BTXH có trách nhiệm báo cáo kết quả hoạt động tài chính định kỳ và hàng năm theo quy định của pháp luật với cơ quan tài chính cùng cấp và cơ quan quản lý trực tiếp.

## **Chương V CHẾ ĐỘ BÁO CÁO, KHEN THƯỞNG, XỬ LÝ VI PHẠM**

### **Điều 27. Chế độ báo cáo**

1. Định kỳ hàng quý (trước ngày 15 tháng 3), 6 tháng (trước ngày 15 tháng 6), 9 tháng (trước ngày 15 tháng 9), hàng năm (trước ngày 15 tháng 11) hay đột xuất, khi có yêu cầu của cơ quan quản lý trực tiếp, cơ sở BTXH phải thực hiện chế độ báo cáo về các mặt hoạt động gồm: hoạt động tài chính, số lượng đối tượng đã tiếp nhận, nuôi dưỡng và trở về cộng đồng, phân loại đối tượng, chế độ nuôi dưỡng, chữa bệnh, phục hồi chức năng, giáo dục, lao động, sản xuất, cơ sở vật chất và các kiến nghị, đề xuất về

Sở Lao động - Thương binh và Xã hội hoặc Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội cấp huyện.

2. Định kỳ hàng quý (trước ngày 30 tháng 3), 6 tháng (trước ngày 30 tháng 6), 9 tháng (trước ngày 30 tháng 9), hàng năm (trước ngày 30 tháng 11) hay đột xuất khi có yêu cầu, Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội các huyện, thị xã, thành phố báo cáo Ủy ban nhân dân cùng cấp và Sở Lao động - Thương binh và Xã hội về tình hình hoạt động của các cơ sở BTXH do cấp mình quản lý.

3. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội có trách nhiệm thống kê, tổng hợp số liệu, tình hình hoạt động của các cơ sở BTXH trên địa bàn tỉnh để báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh và Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội trước ngày 15 tháng 7 và ngày 15 tháng 12 hàng năm.

### **Điều 28. Khen thưởng**

1. Các cơ sở BTXH hoạt động tốt, đóng góp tích cực cho hoạt động từ thiện; trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt; bảo trợ, chăm sóc người khuyết tật, người cao tuổi, người có hoàn cảnh khó khăn được xét khen thưởng theo chế độ khen thưởng hiện hành.

2. Các tổ chức, cá nhân có công lao, thành tích đóng góp cho hoạt động từ thiện, xây dựng và hỗ trợ tích cực cho hoạt động của các cơ sở BTXH trên địa bàn tỉnh được xét khen thưởng theo chế độ khen thưởng hiện hành.

### **Điều 29. Xử lý vi phạm**

Tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm các qui định về quản lý đối với các cơ sở BTXH hoặc có hành vi vi phạm pháp luật khác thì tùy theo mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật, xử lý vi phạm hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự theo qui định của pháp luật; Nếu gây thiệt hại về vật chất và tinh thần thì phải bồi thường thiệt hại theo qui định của pháp luật.

### **Điều 30. Trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra đôn đốc thực hiện**

1. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội:

a) Chủ trì, phối hợp Sở Nội vụ và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố có trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện theo Quy chế này và các quy định của pháp luật về hoạt động của các cơ sở BTXH.

b) Hướng dẫn, kiểm tra các cơ sở BTXH thuộc quyền quản lý trong việc tiếp nhận, phân loại, sắp xếp nơi ăn ở, chăm sóc sức khỏe, dạy văn hóa, dạy nghề cho đối tượng trong thời gian đối tượng tập trung ở cơ sở; việc thực hiện chế độ cho đối tượng.

c) Thông báo và phối hợp với các Sở Lao động - Thương binh và Xã hội các tỉnh, thành phố có đối tượng bị tập trung và đang được nuôi dưỡng tại các cơ sở BTXH trên địa bàn tỉnh để chuyển trả đối tượng về địa phương quản lý và có biện pháp tham mưu giải quyết, hạn chế tình trạng tái lang thang.

## 2. Công an tỉnh:

a) Chỉ đạo, hướng dẫn Công an các huyện, thị xã, thành phố và xã, phường, thị trấn trong việc phối hợp với các xã, phường, thị trấn vận động đối tượng thuộc diện bảo trợ xã hội, đặc biệt là đối tượng lang thang, ăn xin vào cơ sở BTXH và xác minh hoàn cảnh đối tượng để đưa về cộng đồng;

b) Tổ chức điều tra, phối hợp các cơ quan chức năng để xử lý triệt để, nghiêm minh theo quy định của pháp luật đối với những hành vi tổ chức, xúi giục, ép buộc người khác đi xin ăn hoặc thực hiện các hành vi bị cấm đối với đối tượng theo quy định tại Điều 4 Quy chế này.

3. Sở Thông tin và Truyền thông: chỉ đạo các cơ quan báo chí, các Đài truyền thanh cấp huyện xây dựng Kế hoạch thông tin, tuyên truyền công tác tập trung đối tượng trên địa bàn tỉnh đến các khu phố, ấp, cụm dân cư, tổ dân phố để người dân hiểu rõ và cung cấp thông tin cho chính quyền địa phương về các đối tượng lang thang, ăn xin.

Vận động người dân không trực tiếp cho tiền các đối tượng ăn xin trên đường phố; nếu các nhà hảo tâm có tấm lòng nên gửi tiền, hiện vật đến các quỹ từ thiện hoặc đến các cơ sở BTXH để góp phần thực hiện xã hội hóa trong công tác chăm sóc, nuôi dưỡng đối tượng.

## 4. Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố:

a) Chỉ đạo các cơ quan liên quan hướng dẫn, kiểm tra, giám sát hoạt động của các cơ sở BTXH thuộc quyền quản lý.

b) Chỉ đạo Ủy ban nhân dân cấp xã chủ trì, phối hợp các cơ quan liên quan thường xuyên rà soát, tập trung người lang thang, ăn xin trên địa bàn tỉnh để lập hồ sơ chuyển vào các cơ sở BTXH theo đúng trình tự, thủ tục và thời gian qui định.

c) Tuyên truyền, phổ biến, giáo dục nhằm tạo sự đồng thuận trong nhân dân về chủ trương ngăn chặn, xử lý tình trạng xin ăn biến tướng, lang thang đánh giày, bán hàng rong đeo bám, chèo kéo du khách.

d) Tạo điều kiện để các đối tượng có hoàn cảnh khó khăn trên địa bàn ổn định cuộc sống (hỗ trợ dạy nghề, tạo việc làm) trong môi trường gia đình.

e) Chỉ đạo các cơ quan chuyên môn, các đơn vị thuộc quyền quản lý thực hiện việc miễn giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập, khám bệnh chữa bệnh... cho các đối tượng ở cơ sở BTXH theo quy định.

g) Chỉ đạo Ủy ban nhân dân cấp xã tiếp nhận và tạo điều kiện cho đối tượng không đủ điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng ở các cơ sở BTXH hòa nhập cộng đồng.

## **Điều 31. Điều khoản thi hành.**

1. Các cơ sở BTXH ngoài công lập do Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thành lập trước ngày Quy chế này có hiệu lực, đang hoạt động trên địa bàn tỉnh, được

chuyển giao cho Ủy ban nhân dân cấp huyện, nơi cơ sở BTXH trú đóng quản lý. Các cơ sở BTXH này được tiếp tục tiếp nhận các đối tượng có hộ khẩu thường trú trên địa bàn tỉnh.

2. Các cơ sở BTXH do các cấp quyết định thành lập trước ngày 01 tháng 12 năm 2012 nhưng chưa đáp ứng các điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định tại Điều 7 Quy chế này phải thực hiện sắp xếp lại, đầu tư cơ sở vật chất để đảm bảo thực hiện đúng các quy định trong Quy chế này về chăm sóc, nuôi dưỡng đối tượng.

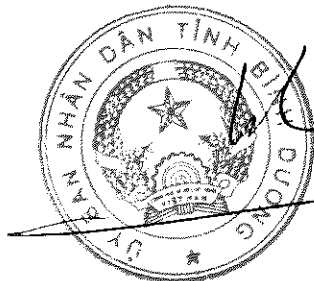
3. Các cơ sở chăm sóc, nuôi dưỡng từ 10 đối tượng bảo trợ xã hội trở lên đang hoạt động trên địa bàn các huyện, thị xã, thành phố trong tỉnh nhưng chưa có quyết định thành lập: căn cứ Quy chế này để thực hiện các thủ tục đề nghị cấp có thẩm quyền quyết định thành lập cơ sở BTXH theo quy định.

4. Nhà nước khuyến khích các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp; tổ chức tôn giáo; các tổ chức, cá nhân trong nước; tổ chức, cá nhân nước ngoài; người Việt Nam định cư ở nước ngoài thành lập cơ sở BTXH để chăm sóc đối tượng bảo trợ xã hội trên địa bàn tỉnh Bình Dương; tham gia Hiệp hội Giám đốc cơ sở BTXH để trao đổi kinh nghiệm chăm sóc, nuôi dưỡng, chính hình - phục hồi chức năng và hoà nhập cộng đồng cho đối tượng bảo trợ xã hội.

5. Khuyến khích các cơ sở BTXH do các Bộ, ngành, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố khác thành lập nhưng có trụ sở đóng trên địa bàn tỉnh Bình Dương thực hiện tốt các nội dung của Quy chế này.

6. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, các đơn vị phản ánh về Sở Lao động - Thương binh và Xã hội để tổng hợp, trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./#

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH THƯỜNG TRỰC**



**Trần Thanh Liêm**